TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 200/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 27-02-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Lệ Uyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Nhanh

2. Ông Nguyễn Thành Châu

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phạm Thị Mỹ Tây – Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa***: Không tham gia.

Ngày 27 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 498/2022/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 10 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 882/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Trần Thị Kim P, sinh năm 1969 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: F X, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Karlsson Karl Henry M, sinh năm 1957 (xin vắng mặt).

Quốc tịch: Thụy Điển.

Địa chỉ: L 34, TS

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 08 tháng 4 năm 2022 và Bản tự khai ngày 20 tháng 12 năm 2022 nguyên đơn bà Trần Thị Kim P1:

Bà và ông KKHenry M1 đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 163 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 17/7/2019. Sau khi kết hôn ông

M1chung với bà P2 tháng thì ông K K1Henry M trở về Thụy Điển, bà ở lại Việt Nam. Hiện nay, tình cảm không còn, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên bà Trần Thị Kim P2 được ly hôn với ông K K1Henry M.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bà xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

Tại Bản tự khai ngày 20 tháng 12 năm 2022 được Đtại Thụy Điển chứng nhận ngày 20 tháng 12 năm 2022, bị đơn ông KKHenry Mikael trình bày:

Ông đồng ý ly hôn với bà Trần Thị Kim P3 bên sống xa cách, tình cảm không còn.

Về con chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông xin vắng mặt khi Tòa án giải quyết vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền của Tòa án: Bà Trần Thị K1 P5nguyên đơn hiện đang cư trú tại F X, Phường B, quận B, bị đơn ông K K1Henry M cư trú tại L, 5 619 34, TS. Do trong vụ án có nguyên đơn cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh, bị đơn cư trú ở nước ngoài nên căn cứ Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự:

Bà T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ Khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà Trần Thị Kim P, ông K K1Henry M.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân:

Bà T1 tự nguyện đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 163 do Ủy ban nhân dân quận B cấp ngày 17/7/2019 nên là hôn nhân hợp pháp.

[2.1] Về yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Kim P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Sau khi kết hôn, vợ chồng không chung sống với nhau, hiện nay mỗi người sống một nơi, không quan tâm nhau. Nay bà Trần Thị Kim P4 không còn tình cảm với ông K K1HMikael nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn, về phía ông KK3 cũng đồng ý ly hôn theo yêu cầu của bà Trần Thị Kim P5 này cho thấy cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, yêu cầu của bà Trần Thị Kim P xin ly hôn ông K K1Henry M là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Về con chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí:

Bà Trần Thị K1 P5nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điều 37, Điều 147, Điều 228, Điều 273, Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 122, Điều 123 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa bà Trần Thị K1 P6ông Karlsson K1Henry M.

2. Về con chung: Không có, không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu, Tòa án không giải quyết.

4. Về án phí sơ thẩm:

Bà Trần Thị K1 P9300.000 đồng án phí sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 0003196 ngày 14 tháng 10

năm 2022 của Cục Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Trần Thị Kim P6 đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật. Bị đơn có quyền kháng cáo đối với bản án trong thời hạn 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND cấp cao tại TP.HCM;
- VKSND TP.HCM;
- Cục Thi hành án dân sự TP.HCM;
- UBND quận Bình Thạnh, TP.Hồ Chí Minh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Lệ Uyên

HNST2022TATP-703
1 000108 474214
22.02.2023 11:11
Trần Thị Kim Phượng